

Bản án số: 57/2024/DS-PT

Ngày: 03/5/2024

V/v: “Tranh chấp kiện đòi tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Trường.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Bình; ông Đỗ Thế Bình.

Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Huy Quang, kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 98/2024/TLST - DS, ngày 18/03/2024 về việc “Tranh chấp về kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1954 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố G, phường V, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh.

- **Bị đơn:** Ông Phan Văn V, sinh năm 1952 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố M, phường C, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố G, phường V, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh.

Người kháng cáo: Ông Phan Văn V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn S trình bày: Năm 2015, bố của ông S là ông Nguyễn Văn Q có xảy ra tranh chấp đất nhà thờ họ với một vài anh em trong họ. Khi đó, em gái của ông S là bà T muốn giúp bố giải quyết tranh chấp nên ông S đã tìm đến ông Phan Văn V giúp đỡ giải quyết tranh chấp và được ông V đồng ý. Ngày

05/12/2015 âm lịch, bà T giao cho ông S 100.000.000 đồng, ngay tại thời điểm nhận được số tiền 100.000.000 đồng này ông S đã giao ngay cho ông V để ông V lo việc giải quyết tranh chấp cho gia đình ông S, bản thân ông S cũng không kiểm đếm lại số tiền trên. Sau khi nhận số tiền trên, ông V đã viết giấy xác nhận cho ông S với nội dung: “Bác S giao cho chú V 100.000.000 đồng (Một trăm triệu) để lo việc gia đình, nếu không xong chú V trách nhiệm trả lại nguyên cho bác S”. Ông S không đồng ý với nội dung viết như vậy, nên đã tự viết thêm nội dung: “Không xong ông V trả tiền cho cô T, ông S không phải trả”. Sau đó, ông V ký dưới mục người nhận tiền, ông S ký vào mục người giao tiền và bà T ký vào mục người làm chứng. Đến năm 2016, ông V tiếp tục bảo ông S đưa thêm 5.000.000 đồng để ông V tiếp khách, nhưng ngay lúc đó ông S không có tiền nên đã bảo ông V ứng ra. Sau đó vài ngày thì ông đã đưa lại cho ông V số tiền 5.000.000 đồng nói trên. Hai bên cũng không đề cập gì đến thời hạn để ông V thực hiện việc lo liệu tranh chấp trên cho gia đình ông S. Sau khi nhận tiền của ông S, ông V không hề có động thái lo liệu việc gì giúp cho gia đình ông S giải quyết dứt điểm tranh chấp giữa gia đình ông và dòng họ liên quan đến đất nhà thờ họ. Mọi việc đều do ông S và cụ Q thực hiện. Từ năm 2001 đến khi ông S khởi kiện ra Tòa án, không có bất cứ một quyết định giải quyết tranh chấp nào có hiệu lực pháp luật giải quyết dứt điểm tranh chấp đất nhà thờ họ của nhà ông. Sau khi vụ án tranh chấp nói trên được tòa án thụ lý giải quyết thì ông V cũng không giúp gì cho gia đình ông S.

Như vậy, từ ngày 05/12/2015 âm lịch cho đến nay, ông V đã nhận của ông S tổng cộng là 105.000.000 đồng nhưng không hề thực hiện theo cam kết, không giúp gì được cho gia đình ông S. Ông S đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông V trả lại cho ông S số tiền 105.000.000 triệu đồng nói trên. Ông không yêu cầu lãi suất. Ngoài ra, ông S không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn là ông Phan Văn V trình bày: Trước đây, ông V và ông S là bạn thân. Ông S là trưởng họ nhưng có tranh chấp đất nhà thờ họ với anh em trong họ nên có nhờ ông V tư vấn, thực hiện một số thủ tục để giải quyết tranh chấp ranh giới giữa đất riêng nhà ông S với đất nhà thờ họ. Ông V xác nhận vào ngày 05/12/2015 (âm lịch), ông có nhận của ông S 100.000.000 đồng để tư vấn, thực hiện các thủ tục với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để bảo vệ cho gia đình ông S trong tranh chấp nói trên. Sau khi ông V tư vấn cho ông S viết các đơn từ, thực hiện các thủ tục với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì đến khoảng một năm sau, ông S được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản xác định rõ ranh giới sử dụng đất. Tuy nhiên, đến hiện giờ ông V không còn nhớ rõ đó là văn bản gì. Tại thời điểm ông S nhận được văn bản xác

định rõ ranh giới trên, ông V và ông S đã thống nhất là ông V đã lo xong việc cho gia đình ông S. Kể từ thời điểm đó, ông S cũng không nhắc gì đến số tiền 100.000.000 đồng này, hai bên đều coi như mọi việc đã được giải quyết xong. Tuy nhiên, sau đó ông S không dám tự ý gỡ bỏ những tài sản trên đất tranh chấp nên đã tiếp tục khởi kiện ra Tòa án. Ông V cũng xác định có nhận thêm số tiền 5.000.000 đồng như lời trình bày của ông S. Tuy nhiên, theo ông V số tiền này là do ông S tự nguyện đưa cho ông V với mục đích nhờ ông V mời những người đã giúp đi ăn để cảm ơn.

Ông V khẳng định đã thực hiện xong việc cam kết với ông S nên ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S.

Ngoài ra, ông V có đơn đề nghị Tòa án miễn án phí phúc thẩm cho ông.

Bà Nguyễn Thị T người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà T xác nhận có đưa cho ông S 100.000.000 đồng để ông S lo việc khởi kiện đòi lại đất cho gia đình. Ngay lúc đó, ông S đã đưa số tiền này cho ông V để ông V lo việc tranh chấp đất nhà thờ họ cho ông S. Sau đó, ông S và ông V viết giấy giao nhận tiền với nhau và bà V cũng ký vào giấy này dưới mục người làm chứng. Sau đó, bà V tiếp tục đi làm ăn ở cửa khẩu nên không biết việc ông V và ông S lo liệu như thế nào.

Từ những nội dung trên bản án sơ thẩm đã căn cứ Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 164; 256 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 158; 166; 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S. Buộc ông Phan Văn V phải trả cho ông Nguyễn Văn S số tiền 100.000.000đ.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S về việc buộc ông Phan Văn V phải trả cho ông Nguyễn Văn S số tiền 5.000.000đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên xử về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 29/01/2024, bị đơn là ông Phan Văn V kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm

phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]: Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Phan Văn V nộp trong hạn luật định, đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng nên được xem xét giải quyết theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Ông Nguyễn Văn S và ông Phan Văn V là bạn thân. Do gia đình ông S xảy ra mâu thuẫn tranh chấp đất nhà thờ họ với một số anh em trong họ nên vào ngày 05/12/2015 (âm lịch) ông S đã đưa cho ông V số tiền là 100.000.000 đồng để ông V tư vấn, thực hiện các thủ tục với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để bảo vệ cho gia đình ông S trong tranh chấp nói trên. Đến năm 2016, ông V tiếp tục bảo ông S đưa thêm 5.000.000 đồng để ông V tiếp khách nhưng ngay lúc đó ông S không có tiền nên đã bảo ông V ứng ra. Sau đó vài ngày thì ông S đã đưa lại cho ông V số tiền 5.000.000 đồng nói trên. Theo ông S sau khi nhận tiền, ông V không hề có động thái lo liệu giúp ông S giải quyết dứt điểm việc gia đình. Mọi việc đều do ông S và cụ Q thực hiện. Do vậy, ông S đã khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông V trả lại cho ông S số tiền 105.000.000 triệu đồng. Bản án sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông S.

Sau khi bản án sơ thẩm xử, bị đơn là ông V kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xem xét sửa một phần bản án sơ thẩm. Xét kháng cáo của ông V Hội đồng xét xử thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự thì ngày 05/12/2015 âm lịch ông V đã nhận số tiền 100.000.000 đồng của ông S để giúp ông S trong việc giải quyết tranh chấp đất nhà thờ họ giữa gia đình ông S và dòng họ Nguyễn Văn . Tại giấy nhận tiền ngày 05/12/2015 âm lịch giữa ông V và ông S không hề thể hiện về nội dung công việc cụ thể mà ông V cần thực hiện để giúp gia đình ông S là việc gì, giải quyết tranh chấp ở cơ quan nào hay thời hạn giải quyết công việc là bao lâu. Ông V trình bày đã giúp ông S làm đơn và các thủ tục khác với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Đến năm 2016, gia đình ông S đã nhận được quyết định giải quyết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xác định ranh giới giữa đất nhà ông S với đất nhà thờ họ. Tuy nhiên, đến nay ông V không nhớ đó là quyết định gì hay do cơ quan nào ban hành. Còn ông S lại cho

rằng, sau khi nhận số tiền 100.000.000 đồng nói trên, ông V không hề làm bất cứ việc gì để giúp cho gia đình ông S giải quyết việc kiện, ông S cũng không nhận được bất cứ quyết định giải quyết nào của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến việc tranh chấp của gia đình ông. Ngoài ra, ông V cũng không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho việc ông đã giúp gia đình ông S lo liệu xong việc giải quyết tranh chấp nói trên. Như vậy, việc ông V cho rằng bản thân đã thực hiện xong công việc đã thoả thuận với ông S như trong giấy nhận tiền ngày 05/12/2015 âm lịch là hoàn toàn không có căn cứ. Do đó, bản án sơ thẩm tuyên buộc ông V phải trả lại cho ông S số tiền 100.000.000 đồng là đúng quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng mà ông S đưa cho ông V để ông V đi tiếp khách Hội đồng xét xử thấy: Ông S thừa nhận đã tự nguyện để ông V ứng trước số tiền 5.000.000 đồng này để tiếp khách cũng như cảm ơn người thứ ba. Sau đó, ông S cũng tự nguyện trả cho ông V đủ 5.000.000 đồng. Như vậy, việc ông S yêu cầu ông V phải trả số tiền 5.000.000 đồng này cho ông S là không có căn cứ. Do đó, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông S đối với số tiền này là đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên thì thấy bản án sơ thẩm xử là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Ông V kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ nào chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ nên cần bác toàn bộ kháng cáo của ông V và giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng do ông V là người cao tuổi nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông V.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

Căn cứ Điều 164; 256 Bộ luật dân sự 2005; Điều 158; 166; 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26; 35; 39; 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S. Buộc ông Phan Văn V phải trả cho ông Nguyễn Văn S số tiền là 100.000.000 đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S về việc buộc ông Phan Văn V phải trả cho ông Nguyễn Văn S số tiền 5.000.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải

chịu lãi suất đối với số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông **S**.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho ông **V**.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND TX Quế Võ;
- Chi cục THADS TX Quế Võ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Trường